

---

# ANALYZE AND PERFORM SOME TYPICAL MELODS OF *CHÈO* ON THE MONOCHORD

**Pham Ngoc Dinh**

Thanh Hoa University of Culture, Sports and Tourism

Email: [phamngocdinh@dvttdt.edu.vn](mailto:phamngocdinh@dvttdt.edu.vn)

Received: 01/4/2024

Reviewed: 11/4/2024

Revised: 16/4/2024

Accepted: 24/5/2024

Released: 15/11/2024

*The monochord is a typical instrument among the traditional musical instruments of the Vietnamese people, playing an indispensable role in traditional theatrical forms. In addition to solo performances and ensemble performances of contemporary works with traditional orchestras, the monochord also demonstrates its unique value in the art of Chèo..*

**Key words:** Melods of Chèo; Monochord; Performance.

---

## 1. Giới thiệu

Chèo là một loại hình nghệ thuật sân khấu truyền thống độc đáo của Việt Nam, có lịch sử lâu đời và mang đậm tính dân gian. Đây là sự kết hợp hài hòa giữa diễn xuất, âm nhạc, múa, và lời ca để tạo nên một sân khấu sống động và giàu cảm xúc. Với nội dung phong phú, chèo thường thể hiện các câu chuyện về đời sống thường nhật, tình yêu, lòng trung nghĩa, và các giá trị nhân văn sâu sắc.

Chèo phát triển mạnh mẽ ở khu vực đồng bằng sông Hồng, và lan rộng ra các vùng trung du Bắc Bộ và Bắc Trung Bộ. Các buổi biểu diễn chèo thường diễn ra tại các sân đình, nhà chùa trong những dịp lễ, hội làng, tạo không khí vui tươi, đoàn kết trong cộng đồng. Sự kết hợp của ngôn ngữ địa phương, âm nhạc truyền thống và phong cách diễn xuất mộc mạc đã giúp chèo trở thành một phần không thể thiếu trong đời sống văn hóa của người dân Việt Nam, đặc biệt là ở khu vực phía Bắc. Không chỉ là một hình thức giải trí, chèo còn được xem là tấm gương phản chiếu tâm hồn, khát vọng, và bản sắc văn hóa của người Việt, mang đến cho khán giả những bài học đạo đức và tình người sâu sắc.

Trong các buổi biểu diễn chèo thường có phần đệm của các nhạc cụ dân tộc, trong đó không thể không nhắc đến đàn bầu. Đàn bầu là một trong những nhạc cụ độc đáo trong nền âm nhạc truyền thống Việt Nam. Với âm thanh đặc trưng, mượt mà và sâu lắng, đàn bầu có khả năng truyền tải cảm xúc đa dạng của con người, từ nhẹ nhàng, tinh tế đến da diết, sâu lắng, phù hợp với bản chất của nghệ thuật chèo. Trong dàn nhạc chèo, đàn bầu thường được sử dụng để biểu diễn độc tấu hoặc hòa tấu, và nhờ vào tính biểu cảm cao, đàn bầu có thể đối

đáp, dẫn dắt hoặc đệm cho các nhạc cụ khác. Vai trò chính của đàn bầu là thể hiện giai điệu chính, giúp tạo không gian âm nhạc tinh tế, đồng thời đệm hoà thanh đơn giản nhưng giàu sắc thái cho các màn trình diễn. Khả năng sử dụng kỹ thuật phong phú như rung, luyến láy và tạo âm bồi giúp đàn bầu tái hiện được những cung bậc cảm xúc đa dạng và sâu sắc trong chèo, từ vui tươi, hóm hỉnh đến bi ai, trữ tình. Chính vì lẽ đó, đàn bầu không chỉ góp phần làm phong phú hơn âm nhạc trong chèo mà còn là yếu tố không thể thiếu, làm nên nét độc đáo và cuốn hút của loại hình nghệ thuật này. Sự kết hợp hài hòa giữa đàn bầu và các nhạc cụ truyền thống khác trong dàn nhạc chèo đã làm nổi bật tính đặc sắc và vẻ đẹp tinh tế của chèo.

## **2. Tổng quan nghiên cứu vấn đề**

Điём qua một số các công trình nghiên cứu và bài viết nổi bật liên quan đến nghệ thuật chèo và dàn nhạc chèo tác giả xin đề cập đến:

Cuốn "Nhạc khí gõ và trống đế trong chèo truyền thống" (1998) của PGS.TS. Nguyễn Thị Nhung đã nghiên cứu về tính năng và cách diễn tấu của các nhạc cụ gõ trong dàn nhạc chèo, đặc biệt là trống đế. [1]

Năm 2001, cuốn sách "Đến với nhạc chèo" của nhạc sĩ Đôn Truỵn, do nhà xuất bản Viện Sân khấu phát hành, đã tập trung vào nghiên cứu về thành phần âm nhạc trong chèo, bao gồm các màu âm đặc biệt của các nhạc cụ và nghệ thuật hòa tấu. [2]

Nhạc sĩ Trần Vinh đã xuất bản cuốn sách "Nhạc chèo" (năm 2011) nghiên cứu về dàn nhạc chèo và vai trò quan trọng của các nhạc cụ gõ, cũng như phương thức diễn tấu truyền thống trong chèo. [3]

Trong cuốn "Từ góc nhìn âm nhạc" của Nhà hát chèo Việt Nam (2001), các nhạc sĩ đã phân tích cấu trúc và tầm quan trọng của các loại nhạc cụ trong dàn nhạc chèo. [4]

Mặc dù đã có nhiều công trình nghiên cứu về nghệ thuật chèo và dàn nhạc chèo, nhưng chưa có tác phẩm nào đi sâu vào việc tìm hiểu và phân tích thấu đáo các kỹ thuật diễn tấu nhạc chèo của đàn bầu. Điều này tạo ra cơ hội cho các tác giả tiếp tục nghiên cứu và bổ sung kiến thức về vấn đề này, góp phần làm phong phú hơn nghệ thuật chèo và khám phá tiềm năng của đàn bầu trong lĩnh vực này.

## **3. Cách tiếp cận và phương pháp nghiên cứu**

Tác giả sử dụng phương pháp thu thập tài liệu từ sách, báo và các công trình nghiên cứu liên quan đến nghệ thuật chèo. Qua việc phân tích và tổng hợp các tài liệu này, tác giả tập trung vào các làn điệu chèo có nội dung diễn tả tình yêu quê hương, đất nước và con người Việt Nam.

Bài viết tập trung vào việc nghiên cứu và phân tích các yếu tố âm nhạc trong làn điệu chèo, đặc biệt là thang âm, điệu thức, và giai điệu. Một phần quan trọng của bài viết là việc xem xét kỹ thuật diễn tấu các làn điệu chèo trên đàn bầu, một loại nhạc cụ độc đáo của Việt Nam. Qua đó, bài viết đánh giá sự đa dạng và phong phú trong kỹ thuật biểu diễn, đồng thời làm nổi bật tầm quan trọng của đàn bầu đối với việc phát triển thẩm mỹ và nghệ thuật âm nhạc truyền thống cho công chúng.

## **4. Nội dung nghiên cứu**

### **4.1. Đặc trưng trong chèo**

Nghệ thuật chèo là sự kết hợp độc đáo của nhiều yếu tố như hát, múa, nói lồi... diễn đạt những câu chuyện phong phú và sâu sắc về cuộc sống thường nhật của người dân Bắc Bộ. Có thể nói chèo là một loại hình kể chuyện truyền thống với đặc trưng *có tích mới ra trò* phát triển mạnh mẽ ở vùng châu thổ sông Hồng và sông Thái Bình.

Trong nghệ thuật chèo, các làn điệu thường phản ánh nhiều trạng thái tình cảm khác nhau, được phân chia rõ ràng thành 7 dạng tình cảm: *Hi, Nộ, Ái, Ó, Dục, Lạc, Ai*. Mỗi dạng tình cảm này đều có cách biểu hiện và âm nhạc riêng, phản ánh đa dạng màu sắc của cuộc sống và tâm trạng của con người. Theo các bậc nghệ nhân, người ta có thể phân chia các làn điệu chèo thành từng cung bậc cảm xúc như sau:

Hi: Biểu hiện sự vui mừng.

Nộ: Biểu hiện sự bực bội, tức giận.

Ái: Biểu hiện lòng yêu mến.

Ó: Biểu hiện sự hài hước châm biếm.

Dục: Biểu hiện lòng ham muốn.

Lạc: Thể hiện sự lạc quan gửi gắm.

Ai: Biểu hiện nỗi bi thảm, buồn thương.

Âm nhạc trong chèo mang đậm tính dân tộc và chứa đựng sự phong phú về kỹ thuật diễn tấu, tạo nên một phong cách âm nhạc độc đáo và sống động. Các làn điệu chèo thường sử dụng nhiều kỹ thuật biểu diễn như luyến, nhấn, miết, láy, giạt... để tạo nên những âm thanh mềm mại, uyển chuyển và đầy cảm xúc. Những kỹ thuật này không chỉ đòi hỏi sự khéo léo mà còn mang đến chiều sâu cho các giai điệu, giúp khán giả cảm nhận được từng sắc thái tình cảm của nhân vật trong các vở chèo. Một trong những đặc trưng quan trọng trong phong cách diễn tấu của âm nhạc chèo là tính ngẫu hứng, điều này mang lại sự tự do và linh hoạt trong biểu diễn. Dựa trên giai điệu chính của các làn điệu, các nhạc công và nghệ sĩ có thể sáng tạo, thêm thắt, biến tấu để thể hiện cảm xúc một cách tự nhiên nhất. Sự ngẫu hứng này không chỉ làm cho buổi biểu diễn trở nên sinh động, hấp dẫn mà còn giúp người nghệ sĩ thể hiện được cá tính và tài năng riêng của mình. Nhờ sự kết hợp giữa các kỹ thuật tinh tế và tính ngẫu hứng trong diễn tấu, âm nhạc chèo trở nên gần gũi với đời sống của người dân, đồng thời mang tính nghệ thuật cao, phản ánh sâu sắc bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam.

Tiết tấu trong chèo là một yếu tố quan trọng giúp tạo nên sức hấp dẫn không chỉ là nhịp điệu của âm nhạc mà còn ảnh hưởng đến diễn xuất, múa và tổng thể của các vở diễn chèo. Tiết tấu âm nhạc trong chèo thường rất đa dạng và phong phú. Các điệu nhạc chèo sử dụng nhiều nhịp điệu khác nhau để phù hợp với tình huống và cảm xúc của từng phần trong diễn xuất của nhân vật. Chèo thường xuyên sử dụng loại tiết tấu đảo phách (nhấn lệch) làm thay đổi trọng âm của loại nhịp.

Các đoạn trong bài (dài ngắn khác nhau tùy từng làn điệu) được gọi là “trở” (trở 1, trở 2, trở 3...). Câu nói giữa các “trở” gọi là “lưu không”, gồm các câu lưu không 4 (có 4 ô nhịp), 6 (có 6 ô nhịp), 8 (có 8 ô nhịp). Ngoài ra, từng đoạn trong trở thường có các nhịp nói ngắn hay còn gọi là “xuyên tâm” thường gồm 2 nhịp (bài Đường trường tiếng đàn, Đường trường duyên phận...). Các làn điệu chèo thường sử dụng thang 5 âm Vũ (Nam II): Đô - Mi - Fa -

Son - Sib (bài Lối lơ). Tuy nhiên, cũng có một số làn điệu sử dụng thang 6 âm: Đô - Rê - Fa - Son - La - Sib (bài Quá giang, Chinh phụ...).

Trong âm nhạc chèo, các đoạn nhạc được chia thành các phần gọi là “trở,” và mỗi trở có thể dài ngắn khác nhau tùy thuộc vào từng làn điệu. Các trở được đánh số thứ tự như trở 1, trở 2, trở 3... Đây là những đoạn chính, giữ vai trò cốt lõi trong cấu trúc của làn điệu. Giữa các trở có các câu nối được gọi là “lưu không,” và các lưu không này có thể kéo dài trong 4, 6, hoặc 8 ô nhịp, tùy vào đặc trưng của từng làn điệu cụ thể. Lưu không đóng vai trò là khoảng nghỉ tạm giữa các phần, giúp chuyển mạch giữa các trở một cách tự nhiên và mềm mại. Bên cạnh đó, trong các đoạn của trở thường xuất hiện những nhịp nối ngắn, được gọi là “xuyên tâm,” thường bao gồm 2 nhịp, giúp kết nối hoặc làm nổi bật điểm chuyển trong trở. Ví dụ, trong các bài như “Đường trường tiếng đàn” hay “Đường trường duyên phận”, xuyên tâm thường được sử dụng để tạo sự liền mạch trong diễn tấu và thể hiện sắc thái của nhân vật. Về thang âm, các làn điệu chèo truyền thống thường sử dụng thang 5 âm theo hệ Nam (hay còn gọi là thang âm Vũ) với các bậc: Đô - Mi - Fa - Son - Sib. Điển hình là trong bài “Lối lơ”, một làn điệu nổi tiếng của chèo, hệ thống âm thanh này tạo nên âm hưởng dân gian gần gũi và trữ tình. Ngoài ra, một số làn điệu khác lại sử dụng thang 6 âm như trong các bài “Quá giang” hay “Chinh phụ” với thang âm: Đô - Rê - Fa - Son - La - Sib, mang đến cảm giác phong phú và đa dạng trong sắc thái âm nhạc chèo. Sự phong phú trong cấu trúc nhịp điệu và thang âm đã tạo nên sức hút độc đáo và phong cách riêng biệt cho nghệ thuật chèo, thể hiện rõ nét tính dân tộc và truyền thống trong âm nhạc Việt Nam.

#### **4.2. Phân tích và diễn tấu một số làn điệu chèo tiêu biểu trên đàn bầu**

##### **4.2.1. Làn điệu “Lối lơ”**

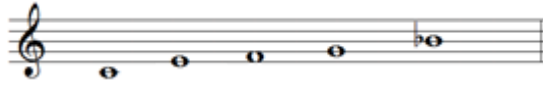
“Lối lơ” là một trong những làn điệu tiêu biểu và phổ biến nhất trong nghệ thuật chèo, thường mang lại không khí vui tươi, lạc quan và đôi khi còn mang chút tình nghịch, nhí nhảnh. Âm hưởng của làn điệu này nhẹ nhàng, linh hoạt, phù hợp để diễn tả tính cách lúng liếng, duyên dáng của các cô gái trong các màn múa hát tập thể. Khi được trình diễn, “Lối lơ” thường gắn liền với những động tác múa mềm mại, uyển chuyển, góp phần tôn lên sự duyên dáng, hóm hỉnh của nhân vật. Làn điệu này thường được sử dụng trong các vở chèo như một phần mở màn, giúp thu hút sự chú ý của khán giả ngay từ đầu buổi diễn. Với giai điệu tươi sáng và nhịp điệu vui nhộn, “Lối lơ” không chỉ tạo nên sự hứng khởi mà còn mang lại bầu không khí thân thiện, gần gũi, khiến người xem dễ dàng tiếp nhận và đồng cảm với câu chuyện mà vở chèo sắp kể. Nhờ vào sự quen thuộc và dễ nhớ, “Lối lơ” đã trở thành một trong những làn điệu mang tính biểu tượng của nghệ thuật chèo, góp phần khẳng định nét đẹp truyền thống trong văn hóa sân khấu Việt Nam.

“Lối lơ” thường được biểu diễn trong các dịp đặc biệt để chào mừng một sự kiện quan trọng của địa phương như lễ hội, ngày lễ hay các buổi lễ kỷ niệm. Bằng cách truyền tải tâm trạng lạc quan và hào hứng thông qua âm nhạc và diễn xuất, “Lối lơ” góp phần tạo ra một không khí vui vẻ và tràn đầy năng lượng cho buổi biểu diễn.

Một trong những đặc điểm nổi bật của giai điệu là xuất hiện các nốt có cao độ rất cao. Ví dụ như câu hát mở đầu “Ta đi i i đi chợ i dộc, tề tề ngòi i i i gốc gốc cây đa/ Thấy i i cô i i

yếm thắm, mặc áo nâu già...”. Trong đó có những ca từ “thấy i í cô”, chữ í tương ứng với nốt sol ở quãng tám thứ 2 “g<sup>2</sup>”, rất cao nhưng sau đó lại xuống câu “mặc áo nâu già”, chữ già tương ứng với nốt đô ở quãng tám thứ nhất “c<sup>1</sup>” trầm hơn hẳn so với nốt g<sup>2</sup>. Vì thế, khi xử lý giai điệu âm nhạc người nhạc công phải có kỹ thuật nhảy nhanh các quãng 8 trên đàn bầu.

Giai điệu của làn điệu được xây dựng trên thang 5 âm Vũ (Nam II) gồm các âm sau:



“Lời lo” thường có 2 trở nhạc chính, trước khi xuất hiện các trở thường là câu nhạc lưu không 4, giữa trở 1 và trở 2 cũng là phần nói lưu không 4 và kết thúc làn điệu bằng câu nhạc lưu không 8.

Mở đầu	Trở 1	Câu nói	Trở 2	Kết bài
Lưu không 4 nhịp	34 nhịp	Lưu không 4 nhịp	34 nhịp	Lưu không 8 nhịp

*Phần mở đầu:* Là câu nhạc lưu không 4 với tính chất vui tươi, mạnh mẽ, rung các nốt (Fa - Si), tô điểm vỡ các nốt (Đô - Son). Nhấn lên và xuống các quãng 3 (Đô - Mí; Son - Mì).

*Câu lưu không (Trích làn điệu Lời lo) [4]*



*Trở 1:* Với tiết tấu nhanh, mạnh mẽ, có sử dụng nhiều nghịch phách và đảo phách cân, kỹ thuật nhảy quãng 8, nhấn các quãng 3, quãng 4. Tay phải gảy vang rõ, gọn tiếng, tay trái rung, tô điểm nhanh, láy nhanh kết hợp vỡ.

*(Trích làn điệu Lời lo) [4]*



Với tính chất vui tươi của giai điệu âm nhạc, kỹ thuật đàn bầu ở đây là rung nhanh các nốt (f - B). Tiết tấu chủ yếu là đơn kép kép, đảo phách cân và nghịch phách để tạo điểm nhấn cùng với các nốt hoa mỹ tô điểm.

Ở giữa trở 1 giai điệu có sự thay đổi bằng cách sử dụng các âm có cao độ cao trên đàn bầu. Sự thể hiện này đòi hỏi tính chính xác về cao độ khi kết hợp các nốt nhấn xuống và nhấn lên quãng 3 và quãng 4. Vì vậy, trong khi sử dụng kỹ thuật nhấn sẽ kết hợp cả rung nhanh, cần xử lý linh hoạt kết hợp nhuần nhuyễn tay trái và tay phải.



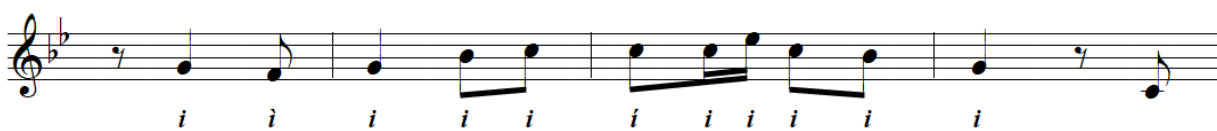
*Trở 2:* Giai điệu chính được nhắc lại nguyên dạng như trở 1 (tuy nhiên có sự thay đổi về lời ca).

(Trích làn điệu Lối lơ) [4]



Trong nghệ thuật chèo, ở phần cuối trỏ 2 thường có thêm 4 nhịp nhạc gọi là câu nhạc xuyên tâm. Câu nhạc này đóng vai trò như một phần nối, giúp tạo sự liền mạch giữa các trỏ, đặc biệt là từ trỏ 2 sang các phần tiếp theo. Xuyên tâm mang đến sự chuyển tiếp nhẹ nhàng nhưng đầy tinh tế, giúp duy trì nhịp điệu và cảm xúc của bài diễn. Bên cạnh đó, sau khi kết thúc trỏ 2, còn có thêm câu nhạc lưu không 8 với 8 ô nhịp. Lưu không 8 cung cấp một khoảng lặng tương đối dài, tạo nên một khoảng không gian tạm nghỉ trong âm nhạc, giúp khán giả cảm nhận được sự chuyển tiếp về cảm xúc hoặc nội dung câu chuyện. Điều này cũng tạo điều kiện cho sự thay đổi nhịp nhàng giữa các phần diễn, giúp màn trình diễn trở nên mượt mà và dễ theo dõi.

(Trích làn điệu Lối lơ)



Kết làn điệu là câu lưu không 8 gồm 8 nhịp.

(Trích làn điệu Lối lơ) [4]



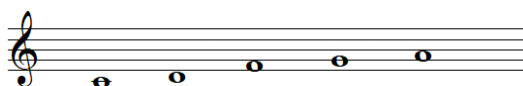
Với tính chất giai điệu vui tươi, nhí nhảnh, lạc quan, làn điệu “Lối lơ” thường được mở đầu cho các vở diễn tích chèo cũng như những chương trình giao lưu nghệ thuật truyền thống trong các lễ hội phục vụ cho quần chúng nhân dân, và đã được nhiều tác giả soạn theo lời riêng tùy theo chủ đề nhằm làm phong phú hơn trong lời ca của làn điệu.

#### 4.2.2. Làn điệu “Chinh phụ”

Làn điệu “Chinh phụ” trong nghệ thuật chèo thường diễn tả tâm trạng về tình cảm, tình yêu của nam nữ với sự nhớ thương của nhân vật khi trở về làng quê xưa. Đây là một trong những làn điệu được ưa chuộng và sử dụng rất nhiều trong các vở chèo.

“Chinh phụ” là một trong những làn điệu đặc trưng, thường xuất hiện trong các tình huống của tích chèo, khi nhân vật chính trở về quê nhà sau một thời gian dài xa cách. Giai điệu của “Chinh phụ” thể hiện tâm trạng buồn bã, nhớ nhà, lắng đọng. Đây là một phần quan trọng trong việc thể hiện tâm trạng và tình cảm của nhân vật trong tích chèo.

Giai điệu của làn điệu được xây dựng trên thang 5 âm Chủy (Bắc I) gồm các âm sau:



“Chinh phụ” gồm 2 trở có mở đầu là câu nói lưu không 4 giữa các trở và lưu không kết làn điệu.

Mở đầu	Trở 1	Câu nói	Trở 2	Kết bài
Via tự do	37 nhịp	Lưu không 4 nhịp	33 nhịp	Lưu không 4 nhịp

*Mở đầu:* Là nhịp tự do với lời ngâm tự sự. Kỹ thuật đàn bầu đuổi theo lời ca, rung chậm và sâu các nốt (Sòn - Đô), sử dụng các âm tô điểm từ Son lên La, từ Fa xuống Rê, từ La xuống Fa và từ La xuống Son.

*Mở đầu (Trích làn điệu Chinh phụ) [4]*

Thiếp thân bất tương vì Chinh ì ì phụ, quân thân khơi học vì vương tôn

*Trở 1:* Với giai điệu ở tiết tấu chậm, âm nhạc đã tạo được cảm xúc xót xa, thể hiện sự nhớ thương da diết. Giai điệu mượt mà dựa trên kỹ thuật rung chậm của cây đàn bầu bằng các nốt Rê - La - Son - Đô. Kỹ thuật miết nhẹ nhấn các nốt Fa xuống Rê, và Đô xuống Fa đều sử dụng nốt tô điểm từ bậc dưới lên hoặc từ bậc trên xuống.

*Trở 1: (trích làn điệu Chinh phụ) [4]*

Trăng thu âm thầm ì gió ì ì ì ì gió ì lạnh ì ì ì ì ì.

Kết trở 1 gồm có 4 nhịp để vào lưu không 4 và sang trở 2.

ì ì ì ì ì ì ì ì ì ì ì

Câu lưu không là câu cầu nối giữa các trở trong làn điệu.

*Trở 2:* Giai điệu trở 2 được phát triển từ trở 1 ngoài sử dụng các kỹ thuật như ở trở 1 thì trở 2 có sử dụng thêm nhiều âm hình luyện 4 nốt kép, đơn kép kép và kép kép đơn, móc giật. Đặc biệt, ngoài sử dụng điệu thức 5 âm I (Bắc) (Đồ - Rê - Fa - Son - La) còn sử dụng thêm nốt (Si) và đây chính là điểm nhấn cho giai điệu. Làn điệu “Chinh phụ” được sử dụng nhiều trong các tích chèo cổ thể hiện tình cảm sâu đậm của người với người, tình cảm dành cho quê hương thông qua những giai điệu được thể hiện qua tiếng đàn. Khi diễn tấu tay phải gảy vang, rõ, chắc tiếng; tay trái rung, láy hơi chậm, vỗ nhẹ nhưng dứt khoát (cần đặc biệt chú ý đến những ngón giật các nốt Rê - La thể hiện như tiếng nấc).

Trở 2 (Trích làn điệu Chinh phụ) [4]



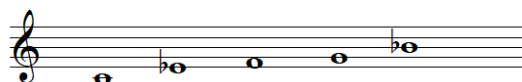
Kết bài là câu lưu không 4 với giai điệu nhẹ nhàng, chậm dần đều.



4.2.3. Làn điệu “Quân tử vu địch”

“Quân tử vu địch” là một làn điệu trong nhạc chèo có nguồn gốc từ tích chèo “Lưu Bình Dương Lễ” thể hiện tâm trạng bịn rịn của người phụ nữ khi phải chia tay chồng để giúp chồng nuôi bạn thân. Làn điệu gồm 4 trở. Mở đầu là câu *via* chậm với cách hát nói tự do. Nói giữa các trở là những câu lưu không 4 nhịp. Các trở đều có nét âm nhạc giai điệu riêng biệt với cách diễn tấu trên đàn bầu cũng rất phù hợp với những kỹ thuật luyến và láy gần với giọng hát của nam và nữ.

Giai điệu của làn điệu được xây dựng trên thang 5 âm Vũ (Nam II) gồm các âm sau:



Mở đầu	Trở 1	Câu nói	Trở 2	Câu nói	Trở 3	Câu nói	Trở 4	Câu kết
Via tự do	20 nhịp	Lưu không 4 nhịp	35 nhịp	Lưu không 4 nhịp	50 nhịp	Lưu không 4 nhịp	35 nhịp	Lưu không 4 nhịp

Mở đầu cho làn điệu này là câu nhạc *via* ở nhịp độ chậm, giai điệu âm nhạc diễn tả nét đượm buồn với kỹ thuật rung chậm ở tay trái các nốt Đô - Son - Fa - Si kết hợp với kỹ thuật vỗ nhẹ nốt Đô - Son và nhấn chậm các quãng Đồ - Mi, Son - Si. Tính chất âm nhạc dàn trải, tiết tấu tự do, tùy hứng. Do do tính chất tự do, tùy hứng của tiết tấu âm nhạc, ở đây là sự xuất hiện rất nhiều các chùm nốt sử dụng dấu luyến, vì vậy khi diễn tấu nhạc công phải áp dụng những kỹ thuật phù hợp, cần tập trung vào việc xử lý kỹ thuật mượn nốt khi nhấn trên cần đàn.

Mở đầu (Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]



Trở 1: Thể hiện sự chia tay của người phụ nữ với chồng, nói lên những nỗi niềm thương nhớ, tâm trạng... tốc độ chậm vừa phải theo nhịp, âm hình sử dụng luyến nhiều nốt kép, nốt



móc giật và đờn kép kép, sử dụng nhiều đảo phách, vì mỗi một lời hát thường luyện nhiều nốt nên đòi hỏi kỹ thuật phải nhanh và linh hoạt trong giai điệu.

*Trở 1: (Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]*



Sử dụng kỹ thuật rung chậm các nốt Fa - Si, nhấn lên các quãng 3, quãng 4. Giai điệu mượt mà, đầm thắm, trữ tình, yêu cầu tiếng đàn trong và rõ nét nhưng vẫn đảm bảo luyện và rung đủ các nốt kép theo tiết tấu của làn điệu. Kết thúc trở 1 là câu lưu không gồm 4 nhịp để nối sang trở 2.

*(Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]*



*Trở 2:* Thể hiện sự khuyên nhủ của người chồng khi tiễn vợ lên đường đi giúp bạn thân. Với giai điệu mộc mạc, trữ tình, đầm thắm, kỹ thuật trên đàn sử dụng chủ yếu là luyện nhiều các nốt kép liền bậc và cách bậc, cần tô điểm từ những nốt dây buông là Đô - Son, nhấn lên nhiều các quãng 2 và quãng 3, đòi hỏi khi diễn tấu cần độ chính xác cao khi rung và nhấn.

*Trở 2: (Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]*



Kết thúc trở 2 là câu lưu không 4 để nối sang trở 3.

*(Trích làn điệu Quân tử vu địch)*



*Trở 3:* Thể hiện sự quyến luyến của người vợ khi phải chia tay chồng, với giai điệu chậm buồn sử dụng nhiều kỹ thuật luyện, láy, tô điểm ở các nốt Đô - Son, rung chậm nốt Fa - Sib. Nhảy cách bậc các quãng 3, quãng 4.

*Trở 3: (Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]*



*Trở 4:* Mang tính chất buồn, tự sự, sâu lắng kết hợp nhiều âm hình tiết tấu chầm dôi, móc giật kết hợp với nhảy các quãng 2 - 3 - 4, luyện nhiều ở các nốt kép đi lên và đi xuống liền bậc.

Trở 4 : (Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]



Kết bài là câu lưu không 4 với giai điệu nhẹ nhàng, tiết tấu chậm dần đều.

(Trích làn điệu Quân tử vu địch) [4]

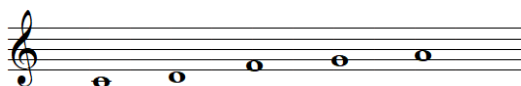


4.2.4. Làn điệu “Đào liễu”

Làn điệu “Đào liễu” được viết dựa trên đoạn ca dao lục bát có tên là “Đào liễu một mình”. Giai điệu âm nhạc của “Đào liễu” đã tạo nên một nét đặc trưng riêng biệt cho nghệ thuật chèo, mang đậm tính chất trữ tình, trong sáng, với nội dung diễn tả vẻ đẹp của người phụ nữ và lòng kiên nhẫn đợi chờ người mình yêu thương dù cho thời gian trôi qua. Câu chuyện ca ngợi tình yêu đích thực, không ngại khó khăn, mặc những lời trêu đùa, lời tiếng cười vụng trộm từ phía xã hội.

“Đào liễu” thể hiện khát khao tìm thấy một tình yêu lớn lao, trọn vẹn của con người với ước mơ thầm kín cháy bỏng nhất của người phụ nữ chính là có được một nơi neo đậu - như con thuyền lênh đênh đã tìm thấy bến bờ tin cậy cho cuộc đời mình. Những câu hát càng đi vào lòng người hơn khi nó được thể hiện bởi những sắc thái truyền cảm. Chính sự cô đơn thấm thía tận gan ruột ấy khiến những làn điệu chèo cổ quyến rũ và thu hút hơn.

Giai điệu của làn điệu được xây dựng trên thang 5 âm Chủy (Bắc I) gồm các âm sau:



Làn điệu “Đào liễu” gồm 3 trở có mở đầu, câu nói lưu không 4 giữa các trở và lưu không 4 kết bài.

Mở đầu	Trở 1	Câu nói	Trở 2	Câu nói	Trở 3	Kết bài
Via tự do	27 nhịp	Lưu không 4 nhịp	29 nhịp	Lưu không 4 nhịp	26 nhịp	Lưu không 4 nhịp

Mở đầu làn điệu là một câu via tự do ở nhịp độ chậm, miêu tả sự cô đơn, đầy tâm trạng của người phụ nữ với những bộn bề gánh nặng của cuộc sống. Kỹ thuật khi thể hiện trên đàn bầu chủ yếu là rung chậm và vỗ nhẹ các nốt nhấn quãng 2 Rê - La, nhấn các quãng 3 Rê - Fa.



Trở 1: Giai điệu ở nhịp độ nhanh vừa, với tính chất thiết tha nhấn nhủ, sử dụng âm hình chính là các nốt kép, nốt giạt, chấm đôi và sử dụng nhiều nhịp có đảo phách cân, nghịch

phách. Nhân và tô điểm mượn nốt các quãng 2 và 3. Đặc biệt, sử dụng kỹ thuật luyện 4 nốt kép của các quãng khác nhau. Tuy nhiên, giai điệu có sử dụng thêm một số nhịp có nốt (Si - Mi), là các âm tô điểm tạo sức hút cho giai điệu.

*Trở 1 (Trích làn điệu Đào liễu) [4]*

Đào liễu có một í í í mình í í í í í í í í em đi

Lưu không 4 để nối sang trở 2

*(Trích làn điệu Đào liễu) [4]*

Trở 2 ngoài các kỹ thuật tay trái rung và luyện. Giai điệu trong còn có nhảy các quãng 3 quãng 4 và quãng 8, đặc biệt sử dụng nhiều đảo phách trong nhịp.

*Trở 2 (Trích làn điệu Đào liễu) [4]*

Xếp nếp thời em để í trong nhà.... tâm áo.

Trở 3 như một lời tự sự. Kỹ thuật luyện nhiều nốt kép đòi hỏi khi sử dụng trên đàn cần linh hoạt và rõ nốt, vì đặc điểm đàn chỉ có 1 dây nên tay trái cần sự nhanh nhẹn, xử lý đúng sắc thái của bài.

*Trở 3 (Trích làn điệu Đào liễu) [4]*

Ờ vậy thời làm sao cho nó đành ấy..

Điều đặc biệt ở làn điệu “Đào liễu” chính là không có sự xuất hiện câu lưu không ở phần kết mà chỉ kết chậm dần khi hết trở 3 ở ba nhịp cuối của làn điệu.

sách có chữ rằng ơi cô nàng ơi í xuân bắt mà tái í lai..

**5. Thảo luận**

Sân khấu chèo là một phần quan trọng và không thể tách rời của nghệ thuật chèo, đóng vai trò thiết yếu trong việc thể hiện và truyền tải các giá trị văn hóa, tâm lý, và xã hội của cộng đồng. Đây là nơi mà nghệ thuật trình diễn, âm nhạc, và múa hòa quyện với nhau, tạo nên một không gian biểu diễn độc đáo và sống động. Không chỉ là một phương tiện giải trí, sân

khẩu chèo còn là tấm gương phản chiếu đời sống, tư tưởng và tâm hồn của người dân Việt Nam, đặc biệt là ở các vùng nông thôn Bắc Bộ.

Sân khấu chèo thường có những không gian mở như sân đình, bãi cỏ trống hoặc các không gian công cộng trong làng, nơi diễn ra các lễ hội, tạo sự gần gũi và thân thuộc với người dân. Không gian này mang tính chất tự nhiên và thoải mái, không bị ràng buộc bởi các yếu tố kỹ thuật như ánh sáng hay phong nền phức tạp. Điều này giúp nghệ sĩ chèo có thể tập trung vào biểu diễn ngôn ngữ hình thể, âm nhạc, và múa, đồng thời cũng tạo điều kiện cho sự ngẫu hứng và linh hoạt trong quá trình diễn xuất. Ngoài ra, sân khấu chèo còn là nơi thể hiện sự kết hợp hài hòa giữa nghệ thuật múa và âm nhạc truyền thống. Những điệu múa trong chèo không chỉ mang tính trang trí mà còn là cách để các nghệ sĩ thể hiện tình cảm, tâm lý nhân vật và truyền tải nội dung câu chuyện một cách sinh động. Âm nhạc, với các nhạc cụ dân tộc như đàn bầu, sáo trúc, và đàn nguyệt, hòa quyện cùng giọng hát và vũ đạo, tạo nên một không gian nghệ thuật tổng hợp đặc sắc.

Trải qua nhiều giai đoạn phát triển, chèo vẫn đang được coi là loại hình nghệ thuật giá trị trong bối cảnh của sự phát triển mạnh mẽ về công nghệ, việc bảo tồn và phát huy nghệ thuật chèo trở thành một ưu tiên quan trọng của Đảng và Nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn nhiều thách thức phải đối mặt.

Việc gìn giữ và phát triển các làn điệu chèo cổ đòi hỏi sự quan tâm và khích lệ từ các đơn vị nghệ thuật và các trường đào tạo âm nhạc dân tộc. Ngoài ra, cần có kế hoạch cụ thể để giới thiệu và dạy hát chèo trong bộ môn hát dân ca, từ đó đào tạo cho học sinh và sinh viên các chuyên ngành âm nhạc và sư phạm âm nhạc.

Việc đưa các chương trình biểu diễn nghệ thuật chèo tới cộng đồng, doanh nghiệp và các cơ quan ở các địa phương cũng là một phương tiện hiệu quả để quảng bá và gìn giữ những giá trị văn hóa dân tộc.

Công tác đào tạo âm nhạc truyền thống cũng cần được tập trung, bao gồm cả việc gìn giữ và phát huy giá trị nghệ thuật truyền thống. Việc chỉ tập trung vào đào tạo những người làm nghề trong lĩnh vực âm nhạc truyền thống mà không quan tâm đến việc truyền dạy và bảo tồn giá trị có thể làm mất đi sự đa dạng và tính phong phú của loại hình nghệ thuật chèo.

## **6. Kết luận**

Có thể khẳng định rằng đàn bầu không chỉ là một biểu tượng mà còn là một phần không thể thiếu của nền văn hóa âm nhạc dân tộc Việt Nam. Đặc biệt là trên thế giới không có một loại đàn một dây nào có thể phát ra cả một hệ thống “âm bồi” như đàn bầu của Việt Nam. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đã lựa chọn một số làn điệu chèo tiêu biểu và các kỹ thuật sử dụng trên cây đàn bầu. Mục đích của nghiên cứu là để tiếp cận kho tàng văn hóa nghệ thuật dân gian một cách sâu sắc và hiệu quả nhất. Hy vọng thông qua bài viết, chúng ta có thể lan tỏa giá trị và tăng cường sự gần gũi của âm nhạc dân tộc với người dân không chỉ trong nước mà còn ở quốc tế.

**Tài liệu tham khảo**

- [1]. Nguyễn Thị Nhung (1998), *Nhạc khí gõ và trống đế trong chèo truyền thống*, Nxb Âm nhạc, Hà Nội.
- [2]. Đôn Truyền (2001), *Đến với nhạc chèo*, Nxb Viện Sân khấu.
- [3]. Trần Vinh (2011), *Nhạc chèo*, Nxb Sân khấu.
- [4]. Nhà hát chèo Việt Nam (2001), *Từ góc nhìn âm nhạc*, Nxb Sân khấu.
- [5]. Bùi Đức Hạnh (1995), *150 làn điệu Chèo cổ*, Nxb Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- [6]. Ngô Trà My (2006), *Nghiên cứu một số đặc điểm trong giảng dạy bài bản Chèo cổ đối với đàn bầu tại Nhạc viện Hà Nội*, Luận văn Thạc sĩ Nghệ thuật học.
- [7]. Thanh Tâm (2000), *Những làn điệu chèo cho đàn bầu*, Nhạc viện Hà Nội.
- [8]. Nguyễn Thị Tuyết (2000), *Giáo trình hát chèo*, Trường Đại học Sân khấu và Điện ảnh Hà Nội, Hà Nội.

## PHÂN TÍCH VÀ DIỄN TÁU MỘT SỐ LÀN ĐIỆU CHÈO TIÊU BIỂU TRÊN ĐÀN BẦU

### Phạm Ngọc Đình

Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa

Email: [phamngocding@dvttdt.edu.vn](mailto:phamngocding@dvttdt.edu.vn)

Ngày nhận bài: 01/4/2024  
Ngày phản biện: 11/4/2024  
Ngày tác giả sửa: 16/4/2024  
Ngày duyệt đăng: 24/5/2024  
Ngày phát hành: 15/11/2024

*Đàn bầu là nhạc cụ tiêu biểu trong các nhạc cụ truyền thống của dân tộc Việt, đóng vai trò không thể thiếu trong loại hình sân khấu truyền thống. Ngoài độc tấu hay đệm hát, hòa tấu cùng dàn nhạc dân tộc và những tác phẩm đương đại, đàn bầu còn có vai trò quan trọng trong loại hình nghệ thuật chèo.*

**Từ khóa:** Làn điệu chèo; Điệu thức; Via; Trỏ; Lưu không 8; Xuyên tâm.